

## Tư duy xã hội học của Auguste Comte

VŨ HÀO QUANG

### 1. Những yếu tố xã hội ảnh hưởng tới tư duy xã hội học của A. Comte

A. Comte được coi là người sáng lập ra ngành xã hội học. Ông cũng là nhà thực chứng nổi tiếng. Đối với ông, mục đích của xã hội học không phải là một khoa học nhằm giải quyết những vấn đề có tính suy đoán, tư biện, vô bổ và cũng không phải là khoa học đưa ra các giải pháp cho các vấn đề trừu tượng mà phải là một khoa học khám phá tri thức, sử dụng nó làm công cụ cải biến xã hội, làm cho xã hội tiến bộ. Trong thời đại của ông, ông cho rằng xã hội thiếu trật tự, rối loạn về chính trị và không thống nhất về mặt tinh thần. Xã hội đó có quá nhiều vấn đề như sự đồi bại của chính phủ, như sự quan liêu hóa, như bất đồng tư tưởng, như bạo lực và những tư duy giáo điều trong giáo dục cũng như khoa học. Cái mà Comte hết sức phê phán đó là sự rối loạn về trí tuệ, tình trạng vô tổ chức, vô chính phủ về mặt tinh thần. A. Comte ra đời sau cách mạng 1789 là 9 năm, nhưng lại trưởng thành qua nhiều chế độ và chính phủ mà theo ông tất cả những chính phủ đó đều không thể giải quyết được thành công những xung đột quốc tế triền miên và những khủng hoảng chính trị nội bộ. Chính phủ Pháp đã chuyển từ Hội đồng (Quốc hội) tương đối dân chủ của cuộc cách mạng 1789 – 1795 thành chính quyền chuyên chế của Hội đồng đốc chính. Đây là chính phủ phi dân chủ và quân chủ của giai cấp trung lưu năm 1795 – 1799 và tới chế độ độc tài chuyên chế xâm lược quân sự của Napôlêôn 1799 – 1814 và cuối cùng là việc phục hồi chế độ quân chủ của Bourbon từ 1814 – 1830. Trong suốt những giai đoạn chuyển đổi chính phủ, nước Pháp đã chịu đựng hàng loạt khó khăn lớn về kinh tế, những phức tạp về ngoại giao, quân sự với nước ngoài. So với các quốc gia khác ở châu Âu, những vấn đề chính trị phức tạp lan rộng ở Pháp, tạo ra hàng loạt rối loạn về mặt tôn giáo, về mặt tinh thần trong đời sống xã hội.

Nước Pháp không giống với hầu hết các nước ở Tây và Bắc Âu vì Pháp đã từng là một quốc gia mạnh và tồn tại khá lâu đời. Trong thời kỳ cải cách, vai trò của nhà thờ Thiên chúa giáo La mã rất quan trọng và gần như độc quyền trong xã hội. Những người theo đạo Tin lành đã bị đẩy sang các nước khác như Đức, Anh hoặc Thụy sĩ. Những dấu hiệu của việc bài xích các tôn giáo khác ở Pháp đã có ở thời điểm đó. Trong khoảng thời gian này cách mạng Pháp nổ ra vào năm 1789 và sự phân

chia giai cấp diễn ra trên quy mô toàn quốc, việc bất hòa giữa chính quyền và tôn giáo đã diễn ra, những vị trí lãnh đạo hàng đầu được giành cho tầng lớp quý tộc, những giám mục Thiên chúa giáo chỉ còn giữ những vị trí trung lưu trong xã hội. Quyền lực của nhà thờ đã bị hạn chế. Mặc dù, chính phủ cách mạng đưa ra tuyên bố về tự do tín ngưỡng vào ngày 6/12/1793 nhưng lại hạn chế quyền lực tối đa của nhà thờ, bằng chứng là nhiều vùng đất của nhà thờ bị xung vào công quỹ và một số nhà thờ đã bị đóng cửa. Những tác động của cách mạng và quyền lực của tôn giáo ở thời đó đã ảnh hưởng nhiều tới tư tưởng xã hội của A. Comte. Ông cho rằng niềm tin tôn giáo cần gắn liền với các học thuyết chính trị. Những người theo chế độ dân chủ tự do phản đối những người theo chế độ quân chủ Thiên chúa giáo cả về vấn đề trật tự xã hội lẫn đời sống tinh thần xã hội. Tuy nhiên, họ đều giống nhau ở quan điểm về việc đánh giá sự thành công của cách mạng 1789. Đó là việc hỗ trợ hay tăng cường quyền lực và cơ hội xã hội cho tầng lớp tư sản và chỉ cải thiện đôi chút điều kiện xã hội cho tầng lớp lao động. Đối với A. Comte, mục đích của xã hội học – một khoa học mới mà ông dự định thành lập phải là một khoa học nhằm tái tạo một tổ chức tinh thần thống nhất. Ông đã nhìn thấy trong tình trạng vô chính phủ sau cách mạng thông qua những tranh luận chính trị, tôn giáo, tư tưởng và giai cấp, ... Vì thế, ông mong muốn khám phá những quy luật có tính tự nhiên của tổ chức xã hội và những biến đổi xã hội. Đồng thời, ông tin rằng xã hội học sẽ kế tục quan niệm duy trì trật tự xã hội mà nhà thờ Thiên chúa giáo đã thất bại. Xã hội học dưới con mắt ông là một ngành học để dự báo một cách khoa học về những thiếu sót trong đời sống tinh thần của xã hội Pháp, chuẩn bị một kế hoạch chi tiết cho việc tái xây dựng nước Pháp cả về đạo đức xã hội lẫn tiến bộ xã hội.

Ngoài những ảnh hưởng của chính trị, tôn giáo đến quan điểm của các nhà khoa học triết học như lịch sử, toán học, chính trị, .. đã có ảnh hưởng đặc biệt đến tư duy xã hội học của A. Comte, Comte đã đề cao quan điểm của nhà triết học Anh là Francis Bacon ( 1561- 1626 ) - một người phân tích xã hội dựa trên phương pháp quy nạp, nhà triết học Pháp René Descartes ( 1596-1650 ) – nhà sáng lập ra thuyết duy lý và nhà thiên văn học Galileo ( 1564-1642 ) – người góp phần quan trọng trong việc mở ra những thành tố chính của tư tưởng khoa học hiện đại. Một tác giả mà A. Comte coi như một người khổng lồ về tư duy xã hội - đó là Bossuet ( 1627-1704 ). Theo tác giả này thì xã hội loài người có thể nghiên cứu được như một hiện tượng tự nhiên dựa vào quy luật logic của sự phát triển. A. Comte cũng chịu ảnh hưởng tư tưởng của Thomas Hobbes – nhà triết học người Anh ( 1588-1679 ) về sự tồn tại những quy luật cơ bản của tổ chức xã hội. Về mặt chính trị, thì tư tưởng về cơ cấu tổ chức chính phủ và mối quan hệ của chính phủ với bộ phận khác trong xã hội của L. Machiavelli ( 1469 –1527 ) – một nhà tư tưởng chính trị người Italia. Ngoài ra, tư duy về những quy luật về sự phát triển có tính quy luật và ổn định đời sống xã hội ông lại tiếp thu từ Montesquieu (1689-1755), nhà triết học Đức Immanuel Kant (1724-1804) và Winhelm Von Leibniz (1646-1716).

Mặc dù A. Comte đưa ra thuyết 3 giai đoạn về sự tiến bộ và phát triển xã hội nhằm đối mới tất cả những quan điểm đi trước về xã hội, tuy nhiên ông cũng thừa

nhận tính kế thừa của các lý thuyết đi trước mà những biểu hiện rõ nhất có thể thấy trong học thuyết Cơ đốc giáo, ví dụ trong tác phẩm *Thành phố của Chúa trời* ( của Saint Augustine – *The city of God* ). Comte cũng ảnh hưởng trực tiếp qua những tác phẩm của Condorcet ( 1743 –1794 ) – nhà triết học, toán học, nhà cách mạng người Pháp. Tác phẩm *Phác thảo lịch sử về sự tiến bộ tư duy nhân loại* năm 1795 của Condorcet đã ảnh hưởng tới tư tưởng về cái tổng thể duy nhất và về sự phát triển của nó thông qua hàng loạt các giai đoạn tiến hóa trong đó có sự tiến hóa về tổ chức xã hội. Mối quan hệ giữa cái tổng thể có tính tổ chức với sự phát triển đồng bộ xuyên suốt quá trình biến đổi nhận thức của nhân loại cũng như nhận thức và hành động của họ đã ảnh hưởng đến tư duy của A. Comte về các giai đoạn phát triển tư duy. Chính tư tưởng của Condorcet về sự tiến hóa xã hội là dựa trên quá trình tiến hóa của tư duy đã được thể hiện rõ ràng trong học thuyết của A. Comte. A. Comte đã tiếp cận nghiên cứu về những biến đổi xã hội dựa trên những số liệu lịch sử và dân tộc học, những số liệu này đã biểu hiện quá trình phát triển của một xã hội đơn nhất trong xã hội tổng thể dựa trên tư tưởng của Condorcet. Ngoài ra, một người được A. Comte ngưỡng mộ là nhà tư tưởng xã hội Joseph de Maistre về việc phân tích các thiết chế xã hội thời Trung cổ và vai trò quyền lực tinh thần của Thiên chúa giáo đối với việc duy trì trật tự xã hội. Cả Condorcet lẫn Maistre đã có ảnh hưởng lớn tới tư duy của A. Comte về trật tự xã hội đặc biệt là các quan hệ có tính chức năng của các thiết chế xã hội và việc phát triển một trật tự tinh thần mới trong tư duy của A. Comte. Ngoài ra, Comte còn đánh giá cao tư tưởng của nhà triết học Scotland là Adam Ferguson ( 1723-1816 ) và nhà triết học người Đức Franz Joseph Gall ( 1758 –1828 ). Từ tác giả Ferguson, Comte đã vay mượn khái niệm về tính phổ biến của các hình thái xã hội. Comte đồng tình với quan điểm của Ferguson, một xã hội không thể vận dụng sự tiến bộ của quá trình tiến hóa xã hội trừ khi nó được phát triển một cách đầy đủ để hợp thành một tổ chức và có khả năng sử dụng sự tiến bộ đó. Nói một cách khác, tiến hóa xã hội sẽ tạo ra tiến bộ xã hội. Đối với J. Gall, thì A. Comte lại nhận được sự đồng cảm về tư tưởng não tướng học về sự phát triển của cá nhân. Ông cho rằng khả năng tinh thần và những trạng thái xúc cảm của cá nhân có thể nằm trong những vùng đặc biệt của bộ não. Comte đã cải biến đôi chút quan điểm này để giải thích sự phát triển theo giai đoạn trong đời sống tinh thần của từng cá nhân.

Cuối cùng, chúng tôi cũng muốn đề cập tới ảnh hưởng của người thầy không chính thức của A. Comte, đó là Saint Simon. Đó là tư tưởng về sự biến đổi, phát triển xã hội từ một xã hội quân sự tới một xã hội công nghiệp hóa.

## **2. Những luận thuyết xã hội học cơ bản của A. Comte**

### *2.1. Ba nguyên lý cơ bản*

**Nguyên lý 1:** Theo A. Comte, cần phải xem xét sự vật, hiện tượng xã hội một cách riêng lẻ, độc lập tương đối trong một tổng thể xã hội. Quan điểm này của Comte là dựa trên sự mô phỏng về mối quan hệ tự nhiên của cấu trúc cơ thể. Đây là nguyên lý cơ bản nhất để giải thích trật tự tự nhiên của xã hội loài người. Cũng chính vì lý

do đó, mà A. Comte phân loại các khoa học cơ bản là toán học, thiên văn học, vật lý học, hóa học, sinh học và xã hội học. Chính quan niệm về trật tự xã hội là một bước tiến hóa của trật tự tự nhiên đã giúp cho Comte hiểu được đối tượng của xã hội học – trật tự tự nhiên của xã hội. Xã hội phát triển theo các giai đoạn khác nhau và sự phát triển của xã hội diễn ra trong các giai đoạn lịch sử khác nhau chính là đối tượng của “xã hội học động”. Như vậy là giai đoạn lịch sử của một xã hội nhất định có tính độc lập tương đối so với tiến trình phát triển lịch sử của nhân loại, tuy nhiên chỉ có thể hiểu được nó trong một mối quan hệ với tổng thể lịch sử nhân loại. Nói một cách khác, lịch sử của nhân loại cũng phát triển theo một trật tự tự nhiên. Vì thế, về mặt phương pháp, nhà xã hội học cần phải so sánh có tính chất lịch sử các giai đoạn phát triển xã hội trong một tổng thể nào đó.

**Nguyên lý 2:** *Nguyên lý về lịch sử phát triển trí tuệ.* Theo Comte, lịch sử phát triển của nhân loại chính là lịch sử phát triển của trí tuệ. Con người cá thể hành động theo những hiểu biết của riêng mình dựa vào những mối quan hệ của nó với thế giới bên ngoài, với những người xung quanh trong giao tiếp thường xuyên trên cơ sở hiểu biết của chủ thể hành động về thiên nhiên, con người và xã hội. Đối với Comte, thì ý tưởng không tạo nên thế giới, tuy nhiên, phương pháp nhận thức của con người lại là một nhân tố phản ánh đặc trưng lịch sử loài người. Vì thế, nhận thức của con người có vai trò quyết định đối với sự phát triển lịch sử. Mối quan hệ có tính chất lịch sử về sự phát triển trí tuệ của nhân loại gắn liền với hình thức và tính chất cũng như cách thức tổ chức xã hội.

**Nguyên lý 3:** Tiến bộ xã hội là hình thái duy nhất để nhân loại cùng hướng tới. Mọi con người ở mọi thời đại hoặc trong mọi thời kỳ lịch sử đều có một cái chung đó là cấu tạo sinh học, đặc biệt là cấu tạo của não bộ. Vì vậy, con người dù ở các xã hội khác nhau về mặt tổ chức, họ đều giống nhau ở chỗ là tìm đến một phương thức chung về cách thức tổ chức xã hội để đạt tới tiến bộ xã hội.

## 2.2. Quy luật ba giai đoạn<sup>1</sup>

Những nguyên lý cơ bản của Comte là tư tưởng quyết định việc phân loại xã hội của ông. Tuy nhiên, cần phải hiểu được quy luật phát triển của lịch sử theo các trạng thái của tư duy khác nhau và tương ứng với nó là các giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau.

Giai đoạn thứ nhất của tư duy nhân loại là *giai đoạn tâm linh*. Dựa vào trạng thái này con người đã giải thích mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng tự nhiên, xã hội theo những mức độ khác nhau tùy thuộc vào nhận thức của con người mà sự vật có thể được hiểu thuần túy là sự vật, ví dụ: ông Bụt được nặn từ đất, ý nghĩa thuần túy của nó chỉ là kết quả của bàn tay khéo léo và óc sáng tạo, giàu trí tưởng tượng của con người. Nó là sản phẩm của văn hóa người, tuy nhiên nó chưa hề có sức mạnh khi con người chưa đặt cho nó một niềm tin, một sức mạnh siêu nhiên, không thể nhìn thấy hoặc tri giác được. Chỉ khi nào con người đặt trong sự vật một ý thức

<sup>1</sup> David Asley và D. M. Orenstein. Sociological theory. USA, 1990, trang 67 – 93.

về sự tồn tại của đấng Siêu nhiên, gắn với từng sự vật cụ thể thì các sự vật, các hiện tượng sẽ hòa đồng với con người thành một thế giới thống nhất, khi đó nó cũng có tình cảm, ý chí thậm chí những ham muốn riêng. Những sự vật tồn tại và phát triển trong sự sùng bái về mặt ý thức của con người tạo ra một trạng thái linh thiêng mà con người cần thấy phải tôn thờ. Trên cơ sở đó, con người đưa ra những chuẩn mực, giá trị để so sánh đối chiếu với với cái bản năng, ham muốn của mình như phẩm chất đạo đức, cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác, ... Nhờ vào trạng thái tâm linh mà chịu sự chi phối chủ yếu của niềm tin vào cái siêu nhiên từ đó xuất hiện tôn giáo đa thần và độc thần. Ở trạng thái này, tư duy của nhân loại gắn liền với nhận thức của con người về thế giới xa xôi, trừu tượng. Vì thế, người ta thường gửi niềm tin vào những lễ vật hoặc linh vật. Tóm lại, theo Comte, giai đoạn tư duy thần học, con người nhận thức dựa trên cơ sở quy gán những sự kiện với những tâm linh của những tác nhân có tính siêu nhiên. Trong giai đoạn này, có thể phân thành 3 thời kỳ:

- Thời kỳ 1: thờ linh vật tương ứng với việc thờ cúng sao
- Thời kỳ đa thần: được thể hiện trong các nền tôn giáo Ai cập, Hy Lạp, La mã cổ đại.
- Thời kỳ độc thần: thời kỳ cuối của giai đoạn thần học chuyển sang giai đoạn đầu của tư duy siêu hình.

*Giai đoạn siêu hình:* Nhờ vào những đặc điểm của các thực thể vô hình để con người giải thích cái bản chất bên trong của các sự vật, các hiện tượng cũng như phương thức hình thành và phát triển của chúng. Những thực thể vô hình có thể là những con người, những tác nhân hoặc những vật hiện hữu. Những thực thể vô hình này đã thay thế quyền lực siêu nhiên trong giai đoạn phát triển trạng thái tâm linh của nhân loại. Giai đoạn siêu hình học là một giai đoạn có tính hỗn hợp và quá độ giữa trạng thái hay giai đoạn thần học, tâm linh và giai đoạn thực chứng, khoa học. Đặc trưng của giai đoạn tư duy siêu hình là loại tư duy dựa vào các thần linh. Nói cách khác, con người tin vào cấu trúc của thế giới tự nhiên hay vũ trụ và sự phối hợp của các đấng Siêu nhiên hay của tạo hóa. Vì thế, tư duy chuyển từ trạng thái thần học sang siêu hình gắn liền với việc chuyển hình thức thờ cúng từ thờ các linh vật sang thờ các thần. Mối quan hệ giữa con người với thế giới siêu nhiên thông qua mối quan hệ với các thần linh. Giai đoạn này, con người hiểu biết dựa trên cơ sở những giả định về cái bản chất về những nguyên nhân và những ảnh hưởng cụ thể có tính thần học đối với tư duy. Giai đoạn siêu hình được bắt đầu từ thời kỳ cuối của giai đoạn thần học, đó là thời kỳ độc thần, tương ứng với sự phát triển của thời kỳ này là sự ra đời của đạo Tin lành.

*Giai đoạn thực chứng:* Ở một trình độ phát triển nào đó, trí tuệ của nhân loại có đủ khả năng để lý giải mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng thông qua phương pháp quan sát, đo đạc, suy luận và phân tích. Con người càng ngày càng mất đi những năng lực về mặt tâm linh. Thay vào đó là sự phát triển của nhận thức duy lý nhờ vào những tri thức khoa học trên cơ sở của những dữ liệu thống kê, quan sát thực tế mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và với xã hội đã giúp con người

làm chủ và điều khiển được thế giới. Tư duy nhân loại ở trạng thái thực chứng chính là trạng thái tư duy khoa học của nhân loại. Những sự kiện và hiện tượng đều cần phải chứng minh và lý giải về nguyên nhân xuất hiện của nó cũng như kết quả của việc tác động giữa chúng có thể dự báo bằng những suy lý khoa học. Nói cách khác, ở giai đoạn phát triển tư duy thực chứng nhận thức của con người trên cơ sở quan sát quan hệ giữa những sự kiện.

### *2.3. Giải thích xã hội theo quy luật ba giai đoạn*

Quy luật ba giai đoạn được áp dụng để giải thích không những quá trình tiến hóa của một xã hội cụ thể mà còn để giải thích quá trình phát triển về mặt trí tuệ của từng con người trong xã hội. Comte đã từng viết: "những người trong chúng ta khi nhìn lại lịch sử bản thân mình đều có thể nhớ rằng chúng ta đã từng là nhà thần học khi còn nhỏ, là nhà siêu hình học khi ở tuổi thanh niên, và là nhà vật lý học khi đã trưởng thành, khi đạt tới trạng thái thực chứng, chúng ta có quyền nói rằng ta là nhà vật lý học xã hội hay nhà xã hội học."

Ở xã hội hiện đại, trình độ nhận thức của con người cùng với phương tiện khoa học kỹ thuật họ có trong tay họ đã giải thích được mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng bằng chính những kinh nghiệm trong nhận thức hay trong tư duy. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã cho ta thấy con người dần dần từ bỏ tâm linh học và siêu hình học để đi đến với thực chứng. Tuy nhiên, không phải tất cả các nền khoa học kỹ thuật của các xã hội khác nhau đều phát triển cùng một lúc với cùng một nhịp độ mà nó phát triển không đồng nhất, không liên tục, điều đó càng chứng tỏ quan niệm về tính đơn nhất và tính thống nhất của các hình thức tổ chức đời sống xã hội. Comte đã chỉ ra mức độ phát triển của khoa học kỹ thuật theo 3 tiêu chuẩn, đó là:

- Mức độ phức tạp của các sự vật, hiện tượng
- Hình thức tồn tại của các sự vật trong mối quan hệ qua lại với con người.
- Thời điểm tồn tại của chúng

Theo mức độ phát triển của khoa học kỹ thuật, Comte cho rằng tri thức thực chứng dựa vào những đối tượng dường như có khoảng cách rất xa với con người. Ví dụ các con số, các thiên thể, ... Tuy nhiên, nó lại gần với con người khi xét trong quan hệ của khoa học hóa học, nhất là của sinh vật học. Mục đích của Comte hình thành một khoa học mới sau sinh học là để giải thích tính ổn định, trật tự, vận động hay rối loạn của hoạt động xã hội tiến tới việc quản lý và cai trị thiên nhiên. Cũng theo lập luận của Comte, xã hội học mang lại cho con người sự hiểu biết về cơ chế xã hội, xu hướng phát triển của lịch sử xã hội, trên cơ sở đó, con người lựa chọn những phương tiện hiệu quả, hữu ích để bảo vệ sự tồn tại của chính xã hội. Sự phát triển của xã hội cũng như sự tiến hóa của từng con người và sự phát triển tri thức của họ đều tuân theo quy luật ba trạng thái.

### *2.4. Phân loại xã hội<sup>2</sup>*

<sup>2</sup> Guy Rocher. Introduction à la sociologie générale. Édition VLB, Montréal, 1989, trang 27-32.

Comte phân các xã hội thành:

- Xã hội quân sự: tương ứng với giai đoạn tư duy thần học của con người. Người ta nhìn thấy cách thức tổ chức trong quân đội cũng giống như cách thức tổ chức ngoài xã hội, đó là bản chất việc lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền và thống nhất theo thứ bậc tôn ti, trật tự. Người ta cũng nhìn thấy ở trong các thủ lĩnh chính trị những phong cách lãnh đạo thần bí và chính điều này là cơ hội tạo ra cho tôn giáo một quyền lực tối cao. Trong xã hội quân sự, quyền lực tôn giáo thường xuyên xung đột với quyền lực của nhà nước, tuy nhiên chúng vẫn cùng tồn tại song song. Bởi vì bản chất của việc tổ chức xã hội lại dựa vào tính phi khoa học và tính thần bí, siêu nhiên, cho nên cả hai loại thiết chế tôn giáo và nhà nước đều cần thiết phải hỗ trợ quyền lực cho nhau. Nhà nước không có tôn giáo không thể tồn tại. Ngược lại, tôn giáo là một yếu tố tinh thần phải được biểu hiện thông qua yếu tố vật chất đó là nhà nước. Trong loại xã hội này, về mặt kinh tế, chủ yếu dựa vào nền sản xuất nông nghiệp, khai khẩn đất đai, trong đó tổ chức gia đình là một đơn vị kinh tế, là một tế bào quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Thông qua gia đình, các thiết chế quân sự và tôn giáo áp đặt quyền lực cai trị của mình vào. Mặt khác, ngay từ khi con người xuất hiện, nó đã cần thiết để thiết lập một trật tự xã hội nhằm thoát khỏi những rủi ro và đảm bảo an ninh trật tự cho mỗi thành viên. Vì thế, các hình thức tổ chức cộng đồng đã phát triển cũng nhờ vào hình thức tổ chức xã hội mang tính quân sự mà các giá trị, chuẩn mực đã được hình thành và thiết chế hóa.

- Xã hội pháp quyền: giai đoạn tư duy siêu hình của nhân loại, tương ứng với hình thức tổ chức xã hội có tính pháp quyền, cụ thể nó được biểu hiện qua tính chất tương đối độc lập giữa quyền lực tinh thần và quyền lực vật chất. Quyền lực tôn giáo ngày càng suy yếu, thì chính quyền dân sự ngày càng phát triển. Dần dần, trong quá trình phát triển của tư duy nhân loại, khái niệm về Chúa, về thần linh, đã nhường ưu thế cho khái niệm nhà nước, tổ quốc. Trong giai đoạn này, không phải là tôn giáo đã hết quyền lực, tuy nhiên nó đã bị suy giảm rõ rệt.

Có hai nhóm xã hội có khả năng sở hữu và mở rộng chức năng và quyền lực của nhà nước, đó là các quan chức ngoại giao và các bộ trưởng phụ trách các bộ có tính chức năng. Sự phối hợp giữa các bộ trưởng chức năng như kinh tế, văn hóa, giáo dục,.. với các quan chức ngoại giao đã làm cho xã hội phát triển trong thế cân bằng với tổ chức xã hội hay những quốc gia xung quanh. Vì thế, vai trò của các vị tướng lĩnh trong quân đội giảm sút, nhà nước được tổ chức theo kiểu này đã làm mất đi cơ hội thống trị của quân sự, thay vào đó là một nhà nước tổ chức theo pháp quyền dân sự. Sự phát triển xã hội dân sự đã phân nào phá vỡ ảnh hưởng tới tính thống trị của thần quyền. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển tiếp từ xã hội quân sự sang xã hội dân sự cũng có những giai đoạn chuyển tiếp, chuyển giao của các hình thức quyền lực tôn giáo, phi khoa học và độc đoán. Trong lịch sử châu Âu, Comte cho rằng từ thế kỷ XIV đến hết thế kỷ XVIII là giai đoạn phát triển của xã hội pháp quyền mà thành quả của nó là cuộc cách mạng Pháp 1789, từ đó xuất hiện chế độ đại nghị và quốc gia hiện đại.

- Xã hội công nghiệp: là xã hội chuyển tiếp từ xã hội pháp quyền. Đặc trưng của xã hội công nghiệp là giai đoạn phát triển cao của tri thức nhân loại. Khoa học chân chính sẽ gắn liền với trật tự tự nhiên của sự phát triển xã hội.

Những tư tưởng khoa học sẽ thống trị xã hội công nghiệp, những tư tưởng tiến bộ xuất hiện ngày càng nhiều, ngày càng áp đảo tư tưởng thần học và làm cho tư tưởng siêu hình mất dần đi.

Nền công nghiệp chính là phương thức biểu hiện cụ thể của các tư tưởng khoa học. Nếu như gia đình là tế bào của xã hội quân sự, dân tộc là tế bào của xã hội pháp quyền thì công nghiệp và sản phẩm của nó là hạt nhân của xã hội công nghiệp.

Sở hữu tư nhân trong xã hội công nghiệp chưa thể tự tiêu vong, nó vẫn là động lực chính để phát triển nền kinh tế công nghiệp. Các nhà tư bản công nghiệp, những kỹ sư sẽ là những chủ nhân quản lý xã hội. Các nhà xã hội học sẽ là những người nắm bắt quyền lực và cải tạo xã hội tương lai. Một xã hội công nghiệp mới sẽ ra đời trên con đường phát triển không tránh khỏi những khủng hoảng nhưng đó chỉ là nhất thời. Hòa bình trên toàn thế giới và sự tiến bộ của nhân loại sẽ là động lực cho nền sản xuất công nghiệp và tiến bộ trong xã hội tương lai.

Những đóng góp của A. Comte về mặt phương pháp như quan sát thực tiễn xã hội, thống kê xã hội, phân tích so sánh theo lịch sử, diễn dịch và quy nạp đã cho phép ông phân tích toàn bộ lịch sử nhân loại theo các giai đoạn tiến hóa của các trạng thái tư duy. Nhờ vào ba nguyên lý và ba quy luật của sự phát triển tư duy, Comte không những chỉ giải thích sự phát triển, biến đổi của các hình thái xã hội trong mối quan hệ giữa cái đơn lẻ với cái tổng thể mà còn giải thích và mô hình hóa quy luật phát triển tất yếu của nhân loại qua ba hình thức tổ chức đời sống xã hội của nhân loại đó là xã hội quân sự, xã hội pháp quyền và xã hội công nghiệp. Tuy nhiên, vai trò của cá nhân với tư cách là sản phẩm của xã hội, là đơn vị tạo ra gia đình, tạo ra “thành phố”, và tạo ra “xã hội nói chung” lại chưa được Comte đánh giá đúng mức. Mặc dù có những hạn chế nhất định về mặt tư tưởng, nhưng cho đến nay A. Comte vẫn được coi là nhà sáng lập ra xã hội học thế giới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. David Asley và D. M. Orenstein. Sociological theory. USA, 1990.
2. G. Ritzer. Modern Sociological theory. McGraw Hill international editions.
3. Guy Rocher. Introduction à la sociologie générale. édition VLB, Montréal, 1989.